

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **311/2021/HSST**  
Ngày 13/7/2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Duy Chinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Lành.  
2. Ông Trần Xuân Viên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đức Chính, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 325/2021/HSST ngày 21/6/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2021/QĐXXST-HS ngày 23/6/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **BTH**, Tên gọi khác: không; Ngày sinh: 01/6/1999; Nơi ĐKKTT: Khu VT, xã ML, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: T9, phường TL, thành phố TN, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 4/12; Con ông: ĐTT (Đã chết); Con bà: BTT, sinh năm 1969; Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (Bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2021 đến nay).

*(Có mặt tại phiên tòa);*

**Người bị hại:** 1. Ông VXC, sinh năm 1940. *(Có mặt)*

2. Bà TTN, sinh năm 1954. *(Có mặt)*.

Đều trú quán: T9, phường TL, thành phố TN.

**Người làm chứng:** Chị GTS, sinh năm 1981. *(Vắng mặt)*

Trú tại: Xóm T, xã HT, thành phố TN.

**Người chứng kiến:** Ông TQB, sinh năm 1966, Trú quán: T9, phường TL, thành phố TN. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp và tiền chi tiêu cá nhân, khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/4/2021 BTH trèo từ nóc nhà của H ở tổ 9, phường TL, thành phố TN sang nhà ông VXC (Sinh năm 1940, trú tại: Tổ 9, phường TL, thành phố TN), mục đích xem có tài sản gì có giá trị thì trộm cắp. Khi sang đến nhà ông C, quan sát thấy bà TTN (là vợ ông C) đã đi vắng còn ông C đi ra ngoài vườn, nên H lên qua cửa phía sau nhà đi vào trong buồng chui xuống gầm giường ngủ chờ thời cơ để trộm cắp. Được khoảng 5 phút thì H thấy ông C đi vào lấy chìa khóa để ở chiếc tủ nhỏ kê ở đầu giường ngủ rồi mở chiếc tủ lớn bên ra 01 chiếc hòm làm bằng tôn và mở lấy tiền đi chợ. Sau đó ông C lại cất chiếc hòm và chìa khóa tủ vào vị trí cũ, khoảng 15 phút sau quan sát thấy ông C đi ra khỏi nhà nên H chui ra lấy chìa khóa mở tủ rồi bên chiếc hòm tôn ra giữa phòng ngủ và mở hòm ra thì thấy có 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 chiếc túi màu đỏ bên trong đựng 03 chiếc hộp nhựa màu đỏ, H mở 01 hộp ra thì thấy có 01 chiếc nhẫn màu vàng trong lòng khắc C 1 chỉ 9999, nên H đã lấy chiếc túi đựng 03 chiếc hộp nhựa cất vào túi quần phía bên phải sau đó cất chiếc hòm và chìa khóa vào vị trí cũ rồi đi ra cổng về nhà. Về đến nhà H mở 03 chiếc hộp nhựa ra thì thấy bên trong có 02 chiếc nhẫn màu vàng trong lòng nhẫn khắc số 9999, trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ và 01 sợi dây chuyền màu vàng, biết là vàng thật nên H bắt xe ô tô taxi đi đến hiệu vàng QT ở phường HVT, thành phố TN đặt vấn đề bán toàn bộ số vàng đã trộm cắp. Sau khi kiểm tra và cân xác định trọng lượng thấy 02 chiếc nhẫn có trọng lượng 02 chỉ, tuổi vàng 999 và 01 dây chuyền có trọng lượng 2,994 chỉ, tuổi vàng 987, nên chị GTS (Sinh năm 1981, trú tại: Xóm T, xã HT, thành phố TN) là nhân viên của cửa hàng đã mua của H với giá 24.780.000 đồng. Sau khi có tiền H mang trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 15/4/2021 H tiếp tục trèo lên nóc nhà và leo sang nhà ông C mở cửa phía sau nhà rồi vào buồng ngủ lục túi quần của ông C tìm tiền để trộm cắp thì ông C đi từ ngoài vào. Lo sợ bị phát hiện H đã chui vào gầm giường ẩn náu, ông C vào buồng thấy đồ đạc bị lục tung, nghi ngờ bị kẻ gian đột nhập trộm cắp tài sản nên ông đã mở tủ kiểm tra thì phát hiện toàn bộ số vàng mà ông cất trong chiếc hòm tôn đã bị mất do đó ông cùng vợ là TTN dùng đèn pin soi tìm thì phát hiện H đang ẩn náu trong gầm giường, nên đã gọi điện trình báo cơ quan Công an,

Tại bản kết luận số 118 ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên, kết luận: 02 nhẫn tròn bằng vàng

có tuổi vàng 999, trọng lượng 2 chỉ; 01 dây chuyền vàng có tuổi vàng 987, trọng lượng 2,994 chỉ, có tổng giá trị là 24.800.000 đồng (BL16-17).

Tại Cơ quan điều tra BTH đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của H phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, hóa đơn mua hàng, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án .

Về dân sự: Ông VXC yêu cầu H bồi thường giá trị 05 chỉ vàng là 28.000.000 đồng, nhưng đến nay H chưa bồi thường.

Vật chứng của vụ án: 02 nhẫn tròn bằng vàng có tuổi vàng 999, trọng lượng 2 chỉ; 01 dây chuyền vàng có tuổi vàng 987, trọng lượng 2,994 chỉ. Sau khi mua chị S đã bán lại cho 01 người không rõ lai lịch địa chỉ, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Bản cáo trạng số 327/CT-VKSNDTPTN ngày 18/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố BTH về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo BTH phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề xuất xử phạt BTH từ 18 đến 24 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Phần dân sự: Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là ông C và bà Nguyễn số tiền là **25.000.000** đồng (tương đương với giá trị 05 chỉ vàng)

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Người bị hại ông C và bà Nguyễn không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] .Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều

tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, người bị hại.. không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] .Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, Kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/4/2021 BTH đã đột nhập vào buồng ngủ nhà ông VXC ở tổ 9, phường TL, thành phố TN mở tủ trộm cắp 02 nhẫn tròn bằng vàng có tuổi vàng 999, trọng lượng 2 chỉ và 01 dây chuyền vàng có tuổi vàng 987, trọng lượng 2,994 chỉ, có trị giá 24.800.000 đồng, rồi mang đến hiệu vàng QT ở phường HVT, thành phố TN bán cho chị GTS lấy 24.780.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 15/7/2021 H tiếp tục đột nhập vào nhà ông C, chui xuống gầm giường trong buồng ngủ chờ cơ hội để trộm cắp tài sản nhưng chưa trộm cắp được thì bị ông C phát hiện bắt giữ.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của gia đình ông C, bà N bị cáo H đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 02 nhẫn tròn bằng vàng có tuổi vàng 999, trọng lượng 2 chỉ và 01 dây chuyền vàng có tuổi vàng 987, trọng lượng 2,994 chỉ (có giá trị theo định giá là 24.800.000 đồng) của người khác được pháp luật bảo vệ mà cụ thể là của gia đình ông C, bà N nên hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

**Nội dung điều 173 quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành

vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người đủ năng lực hành vi dân sự nhưng lười lao động lại có biểu hiện của việc sử dụng trái phép chất ma túy dẫn đến việc trộm cắp tài sản.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1, Điều 52 BLHS

Từ những nội dung nêu trên Hội đồng xét xử thấy: Cần phải xử phạt bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù để đảm bảo việc răn đe và phòng ngừa chung và cũng phù hợp với mức đề nghị hình phạt đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay, tương xứng với nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[6] Vật chứng của vụ án: 02 nhẫn tròn bằng vàng có tuổi vàng 999, trọng lượng 2 chỉ; 01 dây chuyền vàng có tuổi vàng 987, trọng lượng 2,994 chỉ. Sau khi mua chị S đã bán lại cho 01 người không rõ lai lịch địa chỉ, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông VXC và bà TTN yêu cầu H phải bồi thường giá trị 05 chỉ vàng tương đương với số tiền 25.000.000đ, bị cáo H nhất trí bồi thường số tiền 25.000.000đ. HĐXX công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại. Do đó cần buộc bị cáo H phải liên đới bồi thường cho ông C và bà N số tiền là **25.000.000** đồng. (tương đương với giá trị 05 chỉ vàng)

[8] Về hình phạt bổ sung và án phí:

- Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính lẽ ra Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo. Tuy nhiên tại quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai không có tài sản riêng và không nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về các vấn đề khác: Đối với chị GTS là nhân viên cửa hàng vàng bạc QT, quá trình điều tra xác định khi mua số vàng do H trộm cắp chị S không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án.

***Bởi các lẽ trên;***

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Tuyên bố:**

1. Bị cáo **BTH** phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: BTH **18** (*Mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 357; 468; 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo BTH phải bồi thường cho ông VXC và bà TTN số tiền là **25.000.000** đồng (*hai mươi năm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo BTH phải nộp **200.000** đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và **620.000đ** (*Sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch vào ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- Bị cáo; người bị hại..
- Lưu HS; lưu BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Duy Chính**

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo BTH phải nộp **200.000**đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và **620.000đ** (*sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch vào ngân sách nhà nước.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Duy Chính**







